TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST Ngày: 21-6-2018 V/v tranh chấp tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 780/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc "tranh chấp tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1983; HKTT: Ấp B, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương; chổ ở hiện nay: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; HKTT: Ấp B, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng N.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Agribank: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Giám đốc - Chi nhánh huyện Dầu Tiếng. Ông H ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lê Hoàng P, chức vụ: Phó Giám đốc - Chi nhánh huyện Dầu Tiếng (văn bản ủy quyền ngày 07/12/2017).

Nguyên đơn bà Lê Thị L có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Nguyễn Văn H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N ông Nguyễn Văn H có đơn xin giải quyết vắng mặt vào ngày 12/3/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2017, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà L trình bày*:**

Bà L và ông H trước đây là vợ chồng và đã ly hôn theo Quyết định số 341/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 28/8/2017 của TAND huyện Dầu Tiếng. Khi ly hôn bà L và ông H tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung. Hiện nay, bà L và ông H không tự thỏa thuận được với nhau về chia tài sản chung và nợ chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà L và ông H tạo lập được khối tài sản chung và có nợ chung cụ thể:

- *Về tài sản chung*: Phần đất có diện tích 300 m^2 và tài sản trên đất là nhà cấp 4 và một số công trình phụ (mái hiên lợp tôn, sân xi măng, cổng trụ bê tông, khung sắt, lưới B40….) thuộc thửa đất 871, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 252630 số vào sổ CH 01294 ngày 08/10/2012 cho bà Lê Thị L đứng tên.

- *Về nợ chung*: Quá trình chung sống, bà L và ông H có vay của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5504-LAV-201602388 ngày 14/4/2016. Tính đến thời điểm khởi kiện, bà L và ông H còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 12/3/2018, bà L đã dùng tiền riêng của mình thanh toán toàn bộ số nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D, hiện đã thanh lý hợp đồng xong.

Tại phiên tòa, bà L xác định khởi kiện ông H với yêu cầu chia đôi phần toàn bộ tài sản chung là đất và tài sản trên đất (mỗi người được nhận ½ trị giá tài sản), bà L yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản nêu trên và đồng ý thanh toán lại trị giá tài sản chung được chia cho ông H. Đối với khoản nợ chung thì vào ngày 12/3/2018 bà L đã tự mình thực hiện thanh toán xong số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D nên bà L yêu cầu ông H thanh toán lại ½ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng tương ứng với nghĩa vụ của ông H.

Chứng cứ nguyên đơn bà L giao nộp: 01 khởi kiện ngày 22/11/2017; 01 bản sao giấy CMND và Sổ hộ khẩu; 01 bản sao Quyết định số 341/2017/QĐST-HNGD ngày 28/8/2017; 01 bản sao hợp đồng tín dụng số 5504-LAV/-2016; 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 252630 số vào sổ CH 01294; 01 bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bản tự khai ngày 01/12/2017; đơn yêu cầu Tòa án thẩm định, đo đạc đất và tài sản tranh chấp ngày 01/12/2017; đơn yêu cầu Tòa án định giá tài sản tranh chấp ngày 03/01/2018. Ngoài ra, bà L không cung cấp ý kiến hay chứng cứ gì khác.

**** Bị đơn ông H*:**

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để bị đơn ông H biết, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông H không nhận văn bản và không có bất cứ ý kiến nào gửi đến Tòa án nên Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn ông H.

Tại phiên tòa, bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

**** Theo biên bản làm việc ngày 11/4/2018 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 12/3/2018 của đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanNgân hàng N (ông H và ông P) có ý kiến*:**

Ngày 14/4/2016, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D có ký kết với bà L và ông H hợp đồng tín dụng số 5504-LAV-201602388. Căn cứ theo hợp đồng nêu trên thì bà L vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), mục đích vay là tiêu dùng, sửa nhà, mua sắm vật dụng sinh hoạt, mức lãi xuất là 9%/năm, lãi xuất quá hạn là 150% so với lãi xuất vay đã thỏa thuận.

Từ khi vay vốn đến nay bà L và ông H thực hiện nghĩa vụ đóng tiền lãi và gốc đầy đủ, bà L và ông H không vi phạm hợp đồng. Tính đến thời điểm ngày 11/4/2018, bà L đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5504-LAV-201602388 ngày 14/4/2016. Hiện nay, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D đã thanh lý xong hợp đồng nói trên nên không có yêu cầu gì khác.

Chứng cứ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N giao nộp: Bản sao hồ sơ vay vốn theo hợp đồng tín dụng số 5504-LAV-201602388 ngày 14/4/2016 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 12/3/2018.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến*:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà L. Bị đơn ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do . Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 12/3/2018. Việc vắng mặt của bị đơn ông H là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau ly hôn. Không kiến nghị xem xét, bổ sung thủ tục tố tụng. Nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L có mặt. Bị đơn ông H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N có yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 12/3/2018. Căn cứ theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2018, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự ông H và Ngân hàng N theo quy định.

[2] Bà L khởi kiện tranh chấp tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn với ông H, cụ thể:

- Về tài sản chung, bà L yêu cầu chia đôi mỗi người ½ trị giá tài sản gồm: Phần đất có diện tích 300 m^2, tài sản trên đất là nhà cấp 4 và một số công trình phụ (mái hiên lợp tôn, sân xi măng, cổng trụ bê tông, khung sắt, lưới B40….) thuộc thửa 871, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương, đất được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 252630 số vào sổ CH 01294 ngày 08/10/2012 do bà Lê Thị L đứng tên.

- Về nợ chung, bà L yêu cầu ông H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà L số tiền 20.000.000 đồng tương ứng với ½ khoản nợ gốc còn lại mà bà L và ông H đã vay của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D theo hợp đồng tín dụng số 5504-LAV-201602388 ngày 14/4/2016.

Bị đơn ông H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cũng như tài sản tranh chấp có liên quan đến bất động sản tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp tài sản chung và nợ chung của vợ chồng sau ly hôn".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L đối với yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn: Phần đất có diện tích 300 m^2, tài sản trên đất là nhà cấp 4 và một số công trình phụ (mái hiên lợp tôn, sân xi măng, cổng có trụ bê tông, khung sắt, hàng rào lưới B40) thuộc thửa đất 871, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 252630 số vào sổ CH 01294 ngày 08/10/2012 đứng tên cá nhân bà L nhưng quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, bà L đều xác định đây là tài sản chung của vợ chồng chưa chia và đồng ý chia đôi mỗi người ½ trị giá tài sản chung. Đây là ý kiến tự nguyện của bà L và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông H không hợp tác, không tham gia tố tụng nên không thu thập được ý kiến. Tại biên bản định giá tài sản ngày 18/01/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự xác định toàn bộ tài sản tranh chấp có trị giá là 766.336.000 đồng. Như vậy, trị giá tài sản mà bà L và ông H mỗi người được chia là 383.168.000 đồng (½ trị giá tài sản).

[4] Xét ý kiến về yêu cầu nhận tài sản bằng hiện vật của nguyên đơn bà L: Tại Quyết định số 341/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, thì bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Quang H, sinh ngày 10/11/2011 và Nguyễn Thị Hải N, sinh ngày 23/9/2013. Xét thấy, cần đảm bảo điều kiện có nhà để sinh sống và nuôi dưỡng 02 con chung của bà L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao toàn bộ tài sản nói trên cho bà L được sở hữu, sử dụng; đồng thời bà L phải thanh toán trị giá tài sản được chia bằng tiền cho ông H theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L đối với nợ chung: Căn cứ các tài liệu do bà L và Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D cung cấp, có căn cứ xác định được vào ngày 14/4/2016, bà L và ông H có ký kết với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D hợp đồng tín dụng số 5504-LAV-201602388 để vay số tiền 100.000.000 đồng. Tính đến thời điểm bà L khởi kiện, ông H và bà L còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, bà L cung cấp chứng cứ chứng minh bà L tự mình thanh toán toàn bộ số tiền vay gốc 40.000.000 đồng và đã thanh lý xong hợp đồng nói trên. Do đó, việc bà L yêu cầu ông H phải hoàn lại cho bà L số tiền 20.000.000 đồng tương ứng với phần nghĩa vụ của ông H đối với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Tại biên bản làm việc ngày 11/4/2018, đại diện Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D xác định ngày 14/4/2016, bà L và ông H có ký kết với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D hợp đồng tín dụng số 5504-LAV-201602388 để vay số tiền 100.000.000 đồng và hiện nay đã thanh lý xong hợp đồng nên không có yêu cầu gì là phù hợp.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án, các thủ tục tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có cơ sở , phù hợp pháp luật.

[8] Chi phí đo đạc đất và tài sản tranh chấp là 674.928 đồng (sáu trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi tám đồng), mỗi bên phải chịu ½ chi phí đo đạc là 337.464 đồng (ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng). Bà L đã nộp tạm ứng xong nên ông H phải nộp ½ chi phí là 337.464 đồng (ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng) để hoàn trả lại cho bà L.

[9] Chi phí định giá đất tranh chấp là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), mỗi bên phải chịu ½ chi phí định giá là 350.000 đồng (ba trăm năm mười ngàn đồng). Bà L đã nộp tạm ứng xong nên ông H phải nộp ½ chi phí là 350.000 đồng (ba trăm năm mười ngàn đồng) để hoàn trả lại cho bà L.

[10] Bà L phải chịu án sơ thẩm đối với phần tài sản chung được chia; ông H phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần tài sản chung được chia và phần nghĩa vụ phải thanh toán cho bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ các Điều 29, 33, 37, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Nguyễn Văn H, xử lý cụ thể như sau:

1.1. Bà Lê Thị L được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ số tài sản gồm:

- Phần đất có diện tích 300 m^2 (ONT) thuộc thửa 871, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương, đất được UBND huyện Dầu Tiếng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 252630 số vào sổ CH 01294 ngày 08/10/2012 do bà Lê Thị L đứng tên.

- Trên đất có các tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 138,8m^2; mái che bằng tôn nền xi măng có diện tích 96,1 m^2; cổng có trụ bằng bê tông, khung sắt, hàng rào khung sắt lưới B40.

1.2. Bà Lê Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền 383.168.000 đồng (ba trăm tám mươi ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

1.3. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Lê Thị L số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tương ứng với phần nghĩa vụ phải trả khoản nợ chung cho Ngân hàng Ngân hàng N - Chi nhánh huyện D mà bà L đã thực hiện xong.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Chi phí tố tụng giải quyết vụ án:

2.1. Chi phí đo đạc đất và tài sản tranh chấp là 674.928 đồng (sáu trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi tám đồng), mỗi bên phải chịu ½ chi phí đo đạc là 337.464 đồng (ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng). Bà L đã nộp tạm ứng xong nên ông H phải nộp ½ chi phí là 337.464 đồng (ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng) để hoàn trả lại cho bà L.

2.2. Chi phí định giá đất tranh chấp là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), mỗi bên phải chịu ½ chi phí định giá là 350.000 đồng (ba trăm năm mười

ngàn đồng). Bà L đã nộp tạm ứng xong nên ông H phải nộp ½ chi phí là 350.000 đồng (ba trăm năm mười ngàn đồng) để hoàn trả lại cho bà L.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị L phải chịu số tiền 19.158.400 đồng (mười chín triệu một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu số tiền 20.158.400 đồng (hai mươi triệu một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 21/6/2018).

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Đồng